



BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

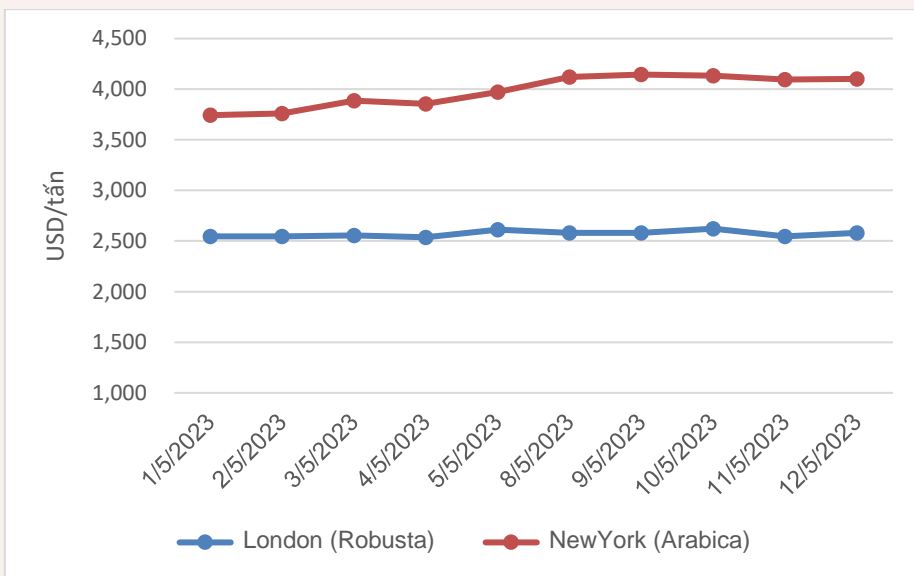
TUẦN 19

(08/05/2023-12/05/2023)

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn T07/2023 tăng 0,95% so với tuần trước đạt mức bình quân 2.583 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2023 tăng 7,18% so với tuần trước đạt mức bình quân 4.419 USD/tấn.
- ❖ Chỉ số giá cà phê toàn cầu tháng 4/2023, tăng với tháng trước đạt 3.937 USD/tấn.
- ❖ ICO, xuất khẩu cà phê thế giới tháng 3 giảm 9,7% so với cùng kỳ năm 2023, xuống còn 12 triệu bao

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 07/2023 tiếp tục đà tăng nhẹ từ tuần trước. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.583 USD/tấn, tăng 0,95% so với tuần trước, và 26,3% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.662 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.547 USD/tấn. [1]

Thị trường New York kỳ hạn tháng 7/2023 tăng mạnh so với tuần trước. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 4.419 USD/tấn, tăng 7,18% so với mức giá tuần trước nhưng giảm 11,9% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.145 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 4.096 USD/tấn.[1]

Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế, trong tháng 4, chỉ số giá cà phê toàn cầu tăng 5% so với tháng trước đạt bình quân 3.937 USD/tấn (giá cao nhất từ tháng 9/2022 đến nay). Giá cà phê có xu hướng tăng từ cuối năm 2022 đến nay, tính từ tháng 11/2022, giá cà phê thế giới tăng 14% (từ 3.455 USD/tấn lên đến 3.937 USD/tấn). Nguyên nhân giá cà phê thế giới tăng mạnh do nguồn cung cà phê được dự báo giảm hai năm liên tiếp trong niên vụ 2022-2023. Một lí do khác dẫn đến sự gia tăng mạnh mẽ của giá cà phê trên toàn cầu trong khoảng thời gian từ cuối tháng 3 đến tuần thứ 3 của tháng 4 là dự báo của ICO: “nguồn cung cà phê toàn cầu có thể thiếu hụt khoảng 7,3 triệu bao trong mùa vụ 2022-2023”. [2]

Theo số liệu của ICO, xuất khẩu cà phê thế giới tháng 3 giảm 9,7% so với cùng kỳ năm 2023, xuống còn 12 triệu bao (bao 60kg). Tính chung 6 tháng đầu niên vụ 2022-2023, giá trị xuất khẩu cà phê toàn cầu giảm 6,4%, tương đương với 62,3 triệu bao. Trong đó, cà phê xanh chiếm 90% giá trị xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 3/2023, đạt 10,9 triệu bao, giảm 9,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu niên vụ 2022-2023, sản lượng xuất khẩu cà phê xanh đạt 56,3 triệu bao, giảm 6,1% so với cùng kỳ năm 2021-2022. [2]

Xuất khẩu cà phê nhân, giảm 17,1% trong tháng 3/2023, xuống 2,1 triệu bao (giảm 6 tháng liên tiếp). Khối lượng xuất khẩu cà phê nhân đã giảm 18,2%, tương ứng với 8,9 triệu bao. Trong đó, Xuất khẩu cà phê arabica Brazil cũng giảm 13,5% trong tháng 3 và giảm 7,8% trong 6 tháng đầu niên vụ 2022-2023, đạt 18,6 triệu bao so với 20,2 triệu bao cùng kỳ năm trước. [2]

Ngoài ra, xuất khẩu cà phê arabica của Colombia giảm 17,4% trong tháng 3 và giảm 14,7% xuống 5,6 triệu bao trong 6 tháng đầu niên vụ 2022-2023

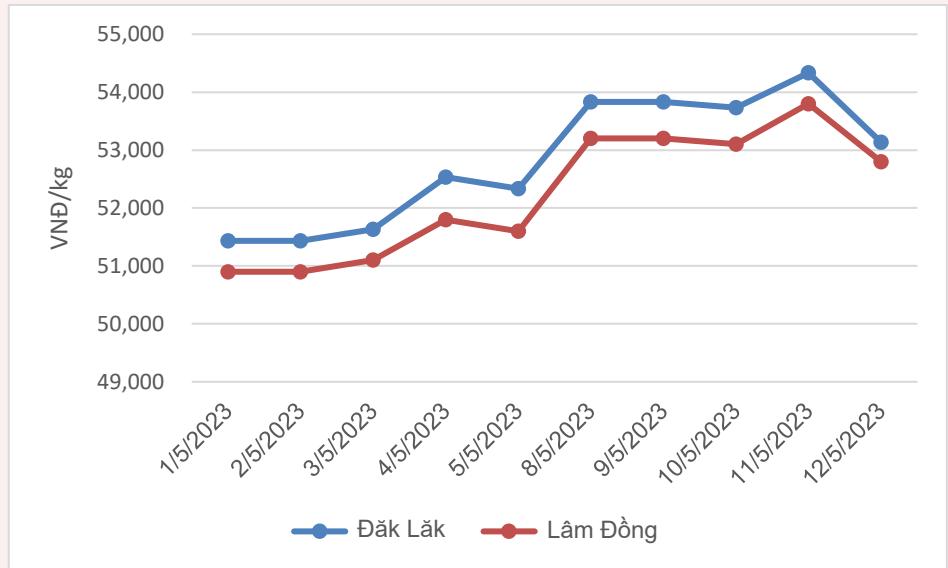
Đối với cà phê Robusta, tháng 3/2023, giá trị xuất khẩu giảm nhẹ 0,8% xuống còn 4,7 triệu bao. Tuy nhiên, lũy kế trong 6 tháng đầu niên vụ cà phê 2022-2023, xuất khẩu robusta đã tăng lên 23,2 triệu bao so với 22,3 triệu bao của cùng kỳ niên vụ 2021-2022. Điều này đã giúp tỷ trọng cà phê robusta trong tổng xuất khẩu cà phê toàn cầu tăng lên mức 41,2% (từ 37,3% của cùng kỳ niên vụ trước).

Tháng 3/2023, giá trị xuất khẩu cà phê hoà tan giảm 6,5% xuống còn hơn 1 triệu bao. Tính chung 6 tháng đầu niên vụ 2022-2023, sản lượng xuất khẩu cà phê tan đạt 5,67 triệu bao, giảm 8,8% so với cùng kỳ năm trước. [2]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng so với tuần trước. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 53.773 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 53.220 VNĐ/kg.
- ❖ Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 4 xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 163.607 tấn, trị giá 398,8 triệu USD, tăng 4,1% về lượng và tăng 10% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- ❖ Giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam bình quân đạt 2.437 USD/tấn trong tháng 4/2023, tăng 6,3% so với tháng trước và tăng 5,8%

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tiếp tục tăng mạnh với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 53.773 VNĐ/kg, tăng 3,86% so với tuần trước và tăng 32,40% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta tăng 3,82% so với tuần trước, lên mức bình quân 53,220 VNĐ/kg, và tăng 32,92% so với cùng kỳ năm 2022. [3]

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 4 xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 163.607 tấn, trị giá 398,8 triệu USD, tăng 4,1% về lượng và tăng 10% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Tuy nhiên, tính chung 4 tháng đầu năm, xuất khẩu cà phê vẫn giảm 5,5% về lượng và 4% về trị giá so với cùng kỳ năm trước, đạt 716.580 tấn, trị giá hơn 1,63 tỷ USD. [4]

Xuất khẩu cà phê tháng 4 được thúc đẩy trong bối cảnh giá xuất khẩu mặt hàng này tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 11/2022, với bình quân 2.437 USD/tấn, tăng 6,3% so với tháng trước và tăng 5,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Luỹ kế trong 4 tháng đầu năm, giá xuất khẩu cà phê của nước ta đã tăng 1,7% so với cùng kỳ năm ngoái lên mức bình quân 2.271 USD/tấn. [4]

Về thị trường xuất khẩu, trong 4 tháng đầu năm, xuất khẩu cà phê sang Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Anh, Trung Quốc, Philippines... có xu hướng giảm, trong khi các thị trường như Mỹ, Nga, Algeria, Indonesia, Mexico... lại tăng mạnh. Trong đó, EU tiếp tục là khách hàng lớn nhất với khối lượng đạt 284.285 tấn, trị giá 619,2 triệu USD, giảm 6,5% về lượng và 7,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Chủ yếu là do lượng cà phê xuất khẩu sang Bỉ đã giảm đến 57,4%, xuống chỉ còn 33.122 tấn so với 77.790 tấn của cùng kỳ năm 2022.[4]

Sản cà phê xuất khẩu của Việt Nam sang một số thị trường khác cũng giảm trong 4 tháng đầu năm nay như: Nhật Bản giảm 16,2%, Anh giảm 40,4%, Trung Quốc giảm 5,5%... Trong khi đó, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tăng 31,1% lên mức 54.055 tấn và đứng thứ hai về thị trường tiêu thụ cà phê của Việt Nam với thị phần 7,5%. [4]

Theo Bloomberg, sản lượng cà phê robusta của Việt Nam nhiều khả năng sẽ sụt giảm trong năm 2023 và ở mức thấp nhất trong vòng 4 năm qua khi nông dân đang tập trung vào trồng sầu riêng hoặc chuyển sang bán bất động sản. Một khảo sát mới đây của Bloomberg cho thấy, vụ thu hoạch của Việt Nam đã giảm hơn 7% so với năm trước xuống còn 1,67 triệu tấn. Bên cạnh nguyên nhân do diện tích trồng cà phê giảm, chi phí phân bón tăng và sự bùng nổ của thị trường bất động sản vào đầu năm ngoái, khiến một số người trồng cà phê không còn canh tác. [4]

Đắc Lắc đẩy mạnh ứng dụng chương trình “Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM)” để phát triển sản xuất cà phê bền vững. IPHM là chương trình tương đối mới, tuy nhiên nguyên tắc của IPHM cũng dựa trên nguyên tắc của IPM (quản lý dịch hại tổng hợp) đã được triển khai tại địa phương từ những năm 1990 đến nay; chỉ khác là IPHM quan tâm hơn về nền tảng cơ bản của đất sản xuất, hệ sinh thái xung quanh, tính đa dạng của các loài sinh vật và khuyến khích vận dụng vòng dinh dưỡng. Song song với đó là đầu tư thông minh và nông dân phải chuyên nghiệp, có trách nhiệm. Để đẩy mạnh ứng dụng chương trình này tỉnh Đắc Lắc cần tăng cường đào tạo phát triển nguồn nhân lực IPHM của Đắc Lắc thông qua các cơ quan chuyên môn có liên quan như trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông địa phương, cán bộ nông nghiệp cơ sở, kể cả cộng tác viên khuyến nông thôn, buôn. Xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng IPHM trong sản xuất cà phê để làm cơ sở nhân rộng IPHM trong thực tế sản xuất, gắn với bảo quản chế biến và tiêu thụ sản phẩm cà phê theo chuỗi giá trị. Tuyên truyền và phổ biến rộng rãi kết quả và kinh nghiệm ứng dụng IPHM tới cộng đồng sản xuất và tiêu dùng sản phẩm cà phê, thông qua các hội thảo

đầu bờ đánh giá kết quả và các phương tiện thông tin truyền thông tại địa phương. Lồng ghép chuyển giao chương trình IPHM vào các cuộc tập huấn của khuyến nông cơ sở. [5]

Theo Sở Sở NN-PTNT tỉnh Lâm Đồng, tỉnh đang thực hiện đề án tái cơ cấu hướng đến nền nông nghiệp xanh, tuần hoàn. Đối với lĩnh vực cà phê, đây là một trong những cây trồng chủ lực của địa phương nên tỉnh tập trung xây dựng các mô hình bền vững, đưa các loại giống tốt vào sản xuất với các quy trình khoa học. Địa phương khuyến khích người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã phát triển cà phê đặc sản, cà phê chất lượng cao, đặc biệt, tập trung vào chế biến để tăng giá trị sản phẩm. Theo số liệu thống kê của tỉnh Lâm Đồng, diện tích trồng cà phê đạt gần 176 nghìn ha. Trong đó, cà phê được trồng nhiều nhất tại huyện Di Linh với khoảng 45,6 nghìn ha. Năng suất cà phê trong tỉnh bình quân khoảng 35,5 tạ/ha, tổng sản lượng khoảng trên 600 nghìn tấn. Hiện nay, các sản phẩm cà phê nhân, cà phê rang xay của tỉnh Lâm Đồng đang được xuất khẩu qua thị trường quen thuộc ở các nước châu Âu như: Đức, Tây Ban Nha, Bỉ, Italia..., các thị trường châu Á như: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Indonesia... Năm 2022, sản lượng cà phê nhân xuất khẩu của tỉnh đạt trên 90 ngàn tấn với giá trị đạt trên 180 triệu USD.

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. <https://www.icocoffee.org/documents/cy2022-23/cmr-0423-e.pdf>
3. Cộng tác viên các tỉnh Tây Nguyên
4. <https://vietnambiz.vn/xuat-khau-ca-phe-thang-4-duoc-thuc-day-boi-gia-tang-manh-2023514235317593.htm>
5. <https://baodaklak.vn/kinh-te/202305/quan-ly-suc-khoe-cay-trong-tong-hop-de-phat-trien-ca-phe-ben-vung-15432a9/>
6. <http://baolamdong.vn/kinh-te/202305/nong-dan-di-linh-chu-dong-nang-cao-chat-luong-cay-ca-phe-1db2479/>

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	53.200	53.200	53.100	53.800	52.800	53.220	1960
Di Linh	53.200	53.200	53.100	53.800	52.800	53.220	1960
Lâm Hà	53.200	53.200	53.100	53.800	52.800	53.220	1960
Bảo Lộc	53.200	53.200	53.100	53.800	52.800	53.220	1960
ĐẮK LẮK	53.833	53.833	53.733	54.333	53.133	53.773	1900
Cư M'gar	53.900	53.900	53.800	54.400	53.200	53.840	1900
Ea H'leo	53.800	53.800	53.700	54.300	53.100	53.740	1900
Buôn Hồ	53.800	53.800	53.700	54.300	53.100	53.740	1900
ĐẮK NÔNG	53.750	53.750	53.700	54.350	53.150	53.740	1950
Gia Nghĩa	53.800	53.800	53.700	54.400	53.200	53.780	1940
Đắk R'lấp	53.700	53.700	53.700	54.300	53.100	53.700	1960
GIA LAI	53.733	53.733	53.633	54.233	53.033	53.673	1900
Chư Prông	53.800	53.800	53.700	54.300	53.100	53.740	1900
Pleiku	53.700	53.700	53.600	54.200	53.000	53.640	1900
La Grai	53.700	53.700	53.600	54.200	53.000	53.640	1900
KON TUM	53.800	53.800	53.700	54.300	53.100	53.740	1900
Đắk Hà	53.800	53.800	53.700	54.300	53.100	53.740	1900

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO****INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

